

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/DS-ST

Ngày: 10-3-2026.

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hữu Nghị;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2025/TLST-DS ngày 10/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-DS ngày 09/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2026/QĐST-DS ngày 26/02/2026, giữa: - *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1978; địa chỉ: E A, xã M, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 080178020260, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/5/2023. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng B, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072081011309, do Cục C về TTXH cấp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bà H trình bày:

Qua tìm hiểu, quen biết, bà H và ông B có ý định tiến đến hôn nhân. Trong quá trình tìm hiểu thì ông B có vay của bà số tiền 129.392.000 đồng để ông B trồng nấm rơm. Khi cho mượn không có giấy tờ nhưng sau đó bà và ông B không còn tình cảm nên bà có yêu cầu ông B trả tiền nhưng ông B không trả. Sau đó, bà yêu cầu ông B làm giấy cam kết nhận nợ và hẹn 30 tây hàng tháng trả 3.700.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, thời hạn trả là 36 tháng nhưng ông B không thực hiện cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu ông B trả số tiền 129.392.000 đồng

để bà trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu tính lãi. Ngày 03/02/2026, bà có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu ông B trả số tiền 91.000.000 đồng theo Bản cam kết ngày 11/8/2024 và bà H không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn, ông Lê Hoàng B đã được Tòa án tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lê Hoàng B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền nợ gốc là 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng tiền nợ gốc. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi suất.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2, Hội đồng xét xử vắng mặt ông B theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu ông B trả số tiền 129.392.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngày 03/02/2026, bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu ông B trả số tiền 91.000.000 đồng theo Bản cam kết ngày 11/8/2024, không yêu cầu ông B phải trả lãi.

Bà H yêu cầu ông B trả nợ và cung cấp cho Tòa án 01 Bản cam kết trả nợ ngày 11/8/2024 do ông B ký tên với nội dung ông B thừa nhận có nợ bà H số tiền 91.000.000 đồng và cam kết trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do; ông B biết việc bà H khởi kiện và đang được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng ông B không có ý kiến hay gửi tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích cho ông. Theo quy định tại Điều 72 của

Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Từ những căn cứ trên, cho thấy: ông B có vay của bà H số tiền 91.000.000 đồng và hiện nay ông B chưa trả lại số tiền này cho bà H. Do đó, nay bà H khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông B phải trả lãi suất.

[4] Án phí: Do yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải trả cho bà H là 91.000.000 đồng $\times 5\% = 4.550.000$ đồng theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản” đối với ông Lê Hoàng B.

Buộc ông Lê Hoàng B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 91.000.000 (Chín mươi một triệu) đồng nợ gốc.

Ghi nhận bà H không yêu cầu ông B trả lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.550.000 (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.234.000 (Ba triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006592 ngày 10-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV 0- TN;
- THADS KV10- TN;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng